

PHỤ LỤC III

Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC đối với UBND các xã, phường, thị trấn
(Kèm theo Quyết định số ~~14~~ **10**-**OD**-UBND ngày **23** tháng **11** năm **2012** của UBND tỉnh)

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	10			
1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (không quá 01 tháng sau khi UBND huyện/thành phố ban hành)	5		Dựa trên BC tự đánh giá của UBND cấp xã và theo dõi của phòng chuyên môn cấp huyện	
	<i>Ban hành kịp thời</i>	5			
	<i>Ban hành không kịp thời</i>	2			
	<i>Không ban hành</i>	0			
2	Báo cáo CCHC theo định kỳ	5		Dựa trên BC tự đánh giá của UBND cấp xã và theo dõi của phòng chuyên môn cấp huyện	
a	Số lượng báo cáo (02 báo cáo quý, 01 báo cáo 6 tháng và 01 báo cáo năm)	3			
	<i>Đầy đủ các báo cáo</i>	3			
	<i>Thiếu 01 báo cáo</i>	2			
	<i>Thiếu 02 báo cáo</i>	1			
	<i>Thiếu 03 báo cáo trở lên</i>	0			
b	Thời gian gửi báo cáo đúng quy định (tính theo dấu công văn đến)	2			
	<i>100% báo cáo gửi đúng thời gian</i>	2			
	<i>01 BC gửi không đúng thời gian</i>	1			
	<i>02 BC trở lên gửi không đúng thời gian</i>	0			

II	Kết quả thực hiện các nội dung cải cách hành chính của UBND cấp xã	85	
1	Cải cách thủ tục hành chính	15	
1.1	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định (theo hướng dẫn tại công văn số 2222/UBND-KSTT ngày 20/12/2011 của UBND tỉnh) tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả,	8	Dựa vào BC tự đánh giá của đơn vị và kiểm tra thực tế của cơ quan kiểm soát TTHC.
	Đạt trên 70% tổng số TTHC	8	
	Đạt từ 50 đến dưới 70% tổng số TTHC	4	
	Đạt dưới 50% tổng số TTHC	0	
1.2	BC tình hình giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương (báo cáo tháng, quý và năm) theo Công văn số 1066/UBND-KSTTHC ngày 22/6/2012 của UBND tỉnh.	7	
a	Số lượng báo cáo	3,5	
	Đầy đủ các báo cáo	3,5	
	Thiếu 01 báo cáo	2	
	Thiếu 02 báo cáo trở lên	0	
b	Thời gian gửi báo cáo đúng quy định (tính theo dấu công văn đến đối với trường hợp gửi báo cáo qua đường bưu điện; tính từ ngày đến của thư điện tử gửi tới hộp thư của Văn phòng UBND cấp huyện, thành phố)	3,5	
	100% báo cáo gửi đúng thời gian	3,5	
	01 báo cáo gửi không đúng thời gian	2	
	Từ 02 báo cáo trở lên gửi không đúng thời gian	0	
2	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức	10	Dựa trên BC tự đánh giá của UBND cấp xã và theo dõi của phòng chuyên môn cấp huyện
2.1	Cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền	5	nt

	<i>Đạt 100%</i>	5		
	<i>Đạt từ 80- dưới 100%</i>	4		
	<i>Đạt từ 65- dưới 80%</i>	3		
	<i>Đạt từ 50- dưới 65%</i>	2		
	<i>Dưới 50%</i>	1		
2.2	Trong năm, CBCCC của đơn vị có khiếu nại, tố cáo đúng sự thật hoặc qua kiểm tra phát hiện hoặc có văn bản kiểm điểm phê bình của cấp trên	5		nt
a	<i>Có</i>	0		
b	<i>Không</i>	5		
3	Cải cách tài chính công	10		BC tự đánh giá của địa phương và theo dõi của Phòng chuyên môn cấp huyện
a	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước (theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP)	5		nt
	<i>Có thực hiện</i>	5		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
b	Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai thực hiện cơ chế	2,5		nt
	<i>Có thực hiện</i>	2,5		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
c	Tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức	2,5		nt
	<i>Có</i>	2,5		
	<i>Không</i>	0		
4	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	50		

<p>4.1 Có bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định</p> <p><i>Có</i></p> <p><i>Không</i></p>	<p>5</p> <p>5</p> <p>0</p>	<p>BC tự đánh giá của địa phương và theo dõi của Phòng chuyên môn cấp huyện</p>
<p>4.2 Bộ trí trang thiết bị cần thiết cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: máy tính, máy in, máy fax, bàn làm việc, điện thoại cố định, ghế ngồi, quạt mát, nước uống.</p> <p><i>Bố trí đầy đủ các loại trên</i></p> <p><i>Bố trí từ 5-7 loại</i></p> <p><i>Bố trí từ 3-5 loại</i></p> <p><i>Bố trí dưới 3 loại</i></p>	<p>5</p> <p>5</p> <p>3</p> <p>2</p> <p>1</p>	<p>nt</p>
<p>4.3 Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã/phường/thị trấn quản lý việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông</p> <p><i>Tiếp nhận hồ sơ có phiếu hẹn</i></p> <p><i>Có thực hiện</i></p> <p><i>Không thực hiện</i></p>	<p>8</p> <p>3</p> <p>3</p> <p>0</p>	<p>nt</p>
<p>a Tiếp nhận hồ sơ có phiếu hẹn</p> <p><i>Có thực hiện</i></p> <p><i>Không thực hiện</i></p>	<p>3</p> <p>3</p> <p>0</p>	
<p>b Lập và ghi phiếu chuyển hồ sơ</p> <p><i>Có thực hiện</i></p> <p><i>Không thực hiện</i></p>	<p>2</p> <p>2</p> <p>0</p>	
<p>c Theo dõi việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính (bảng số hoặc bảng máy...)</p> <p><i>Có thực hiện</i></p> <p><i>Không thực hiện</i></p>	<p>3</p> <p>3</p> <p>0</p>	

4,4	Thực hiện việc chi trả phụ cấp cho cán bộ, công chức tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo Quyết định 983/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh	3	nt
	Có thực hiện	3	
	Không thực hiện	0	
4,5	Công khai chức danh công chức tiếp nhận hồ sơ; số điện thoại của người có trách nhiệm trong tiếp nhận ý kiến phản ánh của tổ chức, công dân	4	nt
	Công khai đầy đủ	4	
	Công khai không đầy đủ	2	
	Không công khai	0	
4,6	Hiệu quả tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và sớm hạn) của UBND xã/phường/thị trấn	25	nt
	Đạt 100%	25	
	Từ 90%-dưới 100%	20	
	Từ 80-dưới 90%	17	
	Từ 70-dưới 80%	14	
	Từ 60- dưới 70%	10	
	Từ 50-dưới 60%	7	
	Dưới 50%	5	
	Tổng cộng	95	
III	Điểm thưởng, điểm phạt	5	
I	Điểm thưởng	+5	

	Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm chặt chẽ, chính xác, đúng theo hướng dẫn và báo cáo cho UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) đúng thời gian quy định	+5	Đối chiếu báo cáo tự đánh giá của địa phương với văn bản hướng dẫn
2	Điểm phạt	-5	
	Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm không chính xác, sơ sai, không đầy đủ theo hướng dẫn hoặc báo cáo cho UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) không đúng thời gian quy định hoặc điểm tự đánh giá chênh lệch 10 điểm cao hơn so với điểm thẩm định	-5	Đối chiếu báo cáo tự đánh giá của địa phương với văn bản hướng dẫn và kết quả thẩm định
	Tổng cộng	100	

*** Căn cứ các tiêu chí đánh giá trên xếp loại theo thang điểm:**

1. Loại A (Xuất sắc): Tổng số điểm đạt từ 91-100 điểm;
2. Loại B (Tốt): Tổng số điểm đạt từ 81-90 điểm;
3. Loại C (Khá): Tổng số điểm đạt từ 66-80 điểm;
4. Loại D (Trung bình): Tổng số điểm đạt từ 50-65 điểm;
5. Loại E (Yếu): Tổng số điểm đạt được dưới 50 điểm;